

## ĐỐI CHIẾU CÂU PHỦ ĐỊNH HÀN - VIỆT VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP HIỆU QUẢ

LÃ THI THANH MAI<sup>1</sup>

HOÀNG THI VÂN ANH<sup>2</sup>

**Abstract:** Negative sentences are used to deny an action, state, characteristic, or proposition, indicating that the referenced event does not happen, does not exist, is incorrect, or is unreasonable. In such sentences, speakers typically use negative markers such as “không”, “chẳng”, “chưa”, “không thể” in Vietnamese, and “안”, “못”, “아니다”, and “없다” in Korean to express negation. This study aims to analyze and compare negation structures in Korean and Vietnamese to clarify the similarities and differences in grammatical structure, semantic meanings, and cultural aspects. It also investigates common errors made by first-year students learning Korean and proposes effective learning methods to address these challenges.

**Keywords:** *negation, negative sentences, short negation, long negation, negative adverbs.*

### 1. Đặt vấn đề

Câu phủ định là loại câu mang ý nghĩa phủ định, phản đối hay không đồng ý với một ý kiến, sự việc hay vấn đề nào đó. Mỗi một ngôn ngữ sẽ có cách thức biểu hiện ý phủ định khác nhau. Ví dụ, tiếng Hàn và tiếng Việt là hai ngôn ngữ đại diện cho hai loại hình ngôn ngữ khác nhau: tiếng Hàn là ngôn ngữ chấp dính, còn tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, vì vậy cách hình thành và sử dụng câu phủ định cũng có sự khác biệt đáng kể. Tiếng Hàn sử dụng đa dạng hình thức như phó từ phủ định (안, 못), cấu trúc phủ định động từ (-지 않다, -지 못하다, -지 말다) và các tiền tố như 불-, 비-, 무- tạo thành từ vựng phủ định. Trong khi đó, tiếng Việt chủ yếu dùng các phó từ phủ định như “không”, “chưa”, “chẳng”, “đừng”, với trật tự câu linh hoạt hơn. Những khác biệt này không chỉ gây khó khăn cho người học, đặc biệt là người Việt học tiếng Hàn, mà còn dễ dẫn đến hiểu lầm trong giao tiếp.

Trước bối cảnh nhu cầu học tiếng Hàn tại Việt Nam ngày càng tăng nhanh do sự phát triển quan hệ song phương và ảnh hưởng của làn sóng Hàn lưu, việc nghiên cứu đối chiếu câu phủ định trong hai ngôn ngữ là cần thiết và mang tính thực tiễn cao. Nghiên cứu này cung cấp những hiểu biết sâu sắc về đặc điểm cú pháp và ngữ nghĩa của câu phủ định, giải quyết những khó khăn mà người học gặp phải, đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ và giúp nâng cao hiệu quả của học tập bằng cách cải thiện khả năng giao tiếp và sự thấu hiểu văn hoá giữa người Hàn và người Việt.

### 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những năm gần đây, đã có nhiều nghiên cứu về câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt. Sau đây là một số công trình nghiên cứu tiêu biểu về đối chiếu câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt.

Trước tiên, có thể kể đến nghiên cứu của Park Ji-hoon [6] so sánh các biểu hiện phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt, chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Cả hai đều có hệ thống phủ định đa dạng, tuy nhiên tiếng Hàn phân biệt rõ ràng giữa “안”, “못” (phủ định ngắn) và “-지 않다”, “-지 못하다” (phủ định dài), trong khi tiếng Việt chủ yếu sử dụng các từ phủ định đứng trước động từ như “không”, “chẳng”, “chưa”. Ngoài ra, tiếng Việt có nhiều từ phủ định mang sắc thái tình cảm, còn tiếng Hàn bị ảnh hưởng bởi yếu tố kính ngữ. Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng người học tiếng Hàn là người Việt thường mắc lỗi khi sử dụng “안” và “못” hoặc đặt sai vị trí của từ phủ định. Tác giả cũng đề xuất các phương pháp giảng dạy giúp học viên sử dụng câu phủ định chính xác hơn trong ngữ cảnh thực tế.

Nghiên cứu của Park Hyung-woo [7] phân loại các phó từ phủ định trong tiếng Hàn như “안”, “못”, “-지 않다”, “-지 못하다”, và các động từ mang nghĩa phủ định như “없다”, “모르다”, “아니다”. Ngoài ra, nghiên cứu cũng phân biệt giữa phủ định toàn phần và phủ định bộ phận, đồng thời chỉ ra những lỗi sai phổ biến của người học tiếng Hàn như nhầm lẫn giữa “안” và “못”, không phân biệt được phủ định từ vựng và phủ định ngữ pháp, hay sử dụng sai hình thức phủ định kép. Tác giả cũng đã đề xuất một số phương pháp giảng dạy hiệu quả để giúp học viên khắc phục những lỗi này.

<sup>1,2</sup> Trường Đại học Đại Nam; Email: lathanhmai77@gmail.com; vvananh7403@gmail.com

Ở Việt Nam, có thể kể đến bài nghiên cứu của Lê Anh Thơ [10] so sánh các đặc điểm hình thức của phủ định kép trong tiếng Hàn và tiếng Việt, đồng thời phân tích mối quan hệ ngữ nghĩa giữa chúng. Nghiên cứu tập trung vào sự kết hợp của phủ định kép với động từ, cách biểu hiện theo từng loại câu và ảnh hưởng của thời gian trong câu. Trong khi tiếng Hàn sử dụng các yếu tố phủ định gắn liền với hình vị hoặc từ vựng như “안”, “-지 않다”, “못”, thì tiếng Việt dùng các cấu trúc như “không phải không thể”, “không thể không”. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra một số hạn chế trong việc phân tích chức năng ngữ nghĩa của phủ định kép và đề xuất nghiên cứu tiếp theo để làm rõ vai trò của phủ định trong giao tiếp.

Nguyễn Thúy Hằng [9] nghiên cứu đặc điểm hình thức - cú pháp và chức năng ngữ dụng của câu nghi vấn phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt, từ đó chỉ ra sự khác biệt về cấu trúc và cách sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy người học Việt Nam gặp nhiều khó khăn khi sử dụng câu hỏi phủ định trong tiếng Hàn, đặc biệt là với hình thức mang tính đề nghị hoặc mệnh lệnh, do sự khác biệt về văn hoá. Tác giả đề xuất mô hình giảng dạy gồm 5 bước: giới thiệu, trình bày, luyện tập, ứng dụng và tổng kết để nâng cao hiệu quả dạy học.

Có thể thấy các nghiên cứu trước đây về câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt chủ yếu tập trung vào khía cạnh ngữ pháp, cú pháp và ngữ nghĩa. Một số nghiên cứu có đề cập đến các loại câu phủ định như phủ định đơn, phủ định kép, câu hỏi phủ định và phó từ phủ định. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu phân tích sâu yếu tố văn hoá ảnh hưởng đến cách sử dụng câu phủ định trong hai ngôn ngữ.

Điểm khác biệt quan trọng của nghiên cứu này là bao gồm cả phân tích đôi chiếu dưới góc độ văn hoá. Câu phủ định không chỉ là hiện tượng ngữ pháp đơn thuần mà còn phản ánh cách thức giao tiếp, tư duy và giá trị văn hoá của từng ngôn ngữ. Nghiên cứu này không chỉ phân tích sự khác biệt về mặt ngôn ngữ mà còn xem xét cách sử dụng câu phủ định trong bối cảnh xã hội của tiếng Hàn và tiếng Việt. Chẳng hạn, nghiên cứu so sánh các yếu tố như mức độ lịch sự, thứ bậc xã hội, sự khác biệt giữa biểu hiện gián tiếp và trực tiếp, cách từ chối hay phản bác trong giao tiếp.

Việc đôi chiếu câu phủ định từ góc nhìn văn hoá không chỉ giúp làm rõ những khác biệt về ngôn ngữ mà còn giúp người học tiếp cận và sử dụng câu phủ định tiếng Hàn một cách hiệu quả hơn.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bài viết đã sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp các nghiên cứu trước đó bao gồm các nội dung liên quan đến khái niệm, phân loại và hình thức của câu phủ định trong hai ngôn ngữ. Tiếp theo, bằng cách sử dụng phương pháp đôi chiếu ngôn ngữ, tiến hành so sánh và phân tích đặc điểm của câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt. Qua đó, làm rõ những điểm giống và khác nhau giữa câu phủ định của hai ngôn ngữ xét trên phương diện hình thức, cấu trúc, ý nghĩa và văn hoá.

### 4. Nội dung nghiên cứu

#### 4.1. Đặc trưng của câu phủ định trong tiếng Hàn

Câu phủ định là loại câu dùng để bác bỏ, từ chối hoặc diễn đạt sự không tồn tại, không xảy ra của một hành động, trạng thái hay đặc điểm nào đó. Theo Kim In-sook [4] phủ định là việc phủ nhận hoặc bác bỏ một hành động, hoặc từ chối sự liên kết giữa chủ ngữ và vị ngữ<sup>3</sup>.

Trong khi đó Park Jeong-gyu [5] cho rằng câu phủ định là những câu có sử dụng các trạng từ phủ định như “아니” hoặc “못”, hoặc các vị ngữ phủ định như “아니하-”, “못하-”, hoặc “말-” và các yếu tố tương tự để thể hiện ý nghĩa phủ định, tức là phủ nhận hoặc bác bỏ một sự việc, hành động hoặc trạng thái nào đó đã được nêu ra hoặc giả định trước đó trong giao tiếp<sup>4</sup>.

Về đặc trưng của câu phủ định tiếng Hàn, bài nghiên cứu tập trung chủ yếu vào 3 đặc trưng chính: đặc trưng về ngữ pháp; đặc trưng về thì và thể và đặc điểm sử dụng theo ngữ cảnh và văn hoá.

Trước tiên là đặc trưng về ngữ pháp, theo Im Hong-bin [8] câu phủ định trong tiếng Hàn được chia thành hai loại dựa trên cấu trúc cú pháp: Câu phủ định ngắn (단형 부정문) và câu phủ định dài (장형 부정문). Câu phủ định ngắn là loại câu trong đó các yếu tố phủ định như “아니” hoặc “못” được đặt trực tiếp phía trước vị ngữ (động từ hoặc tính từ). Câu phủ định dài là loại câu trong đó đuôi

<sup>3</sup>김인숙(1985)에서는 “부정이란 그렇지 않다고 단정하거나 반대하는 뜻, 또는 판단에 있어 주어와 술어 사이의 연결을 거부하는 것이다”라고 정의를 내렸으며 부정은 그 내용에 따라 단순히 어떤 행위를 부정하는 “아니하다”, 능력을 부정하는 “못하다”, 지나 중지를 보이는 “말다”로 구분되며, “아니하다”와 “못하다”는 그 쓰임에 있어서 장단형부정문의 두 양상으로 나타난다고 하였다.

<sup>4</sup>박정규(1989)에서는 국어 부정문의 형식적 요건을 구체적으로 제시하였다. 즉 한국어의 부정문은 부정부사 “아니”나 “못” 혹은 부정 서술어 “아니하-”나 “못하-”나 또는 “말-”과 같은 요소가 쓰인 문장을 말하는 것으로, 이들은 부정극성을 띤 성분들과 공기 관계에 놓일 수 있다고 보았다

liên kết “-지” được gắn vào gốc động từ hoặc tính từ, sau đó thêm các vị ngữ phủ định như “아니하다”, “못하다” hoặc “말다” để tạo thành câu phủ định.

Ví dụ, câu “저는 숙제를 안 했어요” (Tôi đã không làm bài tập) sử dụng “안”- cấu trúc phủ định ngắn để thể hiện ý chí chủ quan không thực hiện hành động. Hoặc câu “저는 수영을 못 해요” (Tôi không thể bơi) dùng “못” biểu thị sự thiếu khả năng hoặc do hoàn cảnh khách quan nên không thể thực hiện hành động. Phủ định dài được biểu hiện qua cấu trúc “-지 않다”, “-지 못하다” và “-지 말다”, được gắn trực tiếp vào thân động từ hoặc tính từ. Ví dụ, “그는 약속을 지키지 않았어요” (Anh ấy đã không giữ lời hứa) sử dụng “-지 않다” để phủ định hành động. Cấu trúc “-지 못하다” cũng tương tự nhưng nhấn mạnh về khả năng bị hạn chế, như trong câu “저는 너무 긴장해서 발표를 잘하지 못했어요” (Vì quá căng thẳng nên tôi đã không thể phát biểu tốt). Ngoài ra, “-지 말다” thường dùng để tạo câu phủ định mệnh lệnh, ví dụ “여기서 담배 피우지 마세요” (Đừng hút thuốc ở đây). Các dạng phủ định này không chỉ đa dạng về hình thức mà còn mang những sắc thái ý nghĩa khác nhau, giúp người nói diễn đạt chính xác mức độ phủ định tùy theo ngữ cảnh và mục đích giao tiếp.

Về đặc trưng thì và thể, trong tiếng Hàn, câu phủ định không chỉ được sử dụng để biểu đạt ý phủ định mà còn có khả năng kết hợp linh hoạt với các yếu tố ngữ pháp như thì (quá khứ, hiện tại, tương lai) và thể (trần thuật, nghi vấn, mệnh lệnh, câu khiên). Các hình thức phủ định như “안”, “못”, “-지 않다”, “-지 못하다” và “-지 말다” có thể đi kèm với các đuôi kết thúc câu để thể hiện thời gian và mục đích phát ngôn mà không làm thay đổi bản chất của thì và thể. Ví dụ, câu “저는 숙제를 안 했어요” (Tôi đã không làm bài tập) sử dụng phủ định “안” kết hợp với thì quá khứ, thể hiện hành động không xảy ra trong quá khứ. Câu “내일부터 늦게 오지 않도록 하겠습니다” (Từ ngày mai tôi sẽ không đến muộn nữa) dùng phủ định “못” cùng với thì tương lai “겠다”, thể hiện ý chí quyết tâm từ ngày mai sẽ không đến muộn nữa.

Cuối cùng là đặc điểm sử dụng theo ngữ cảnh và văn hoá. Câu phủ định trong tiếng Hàn không chỉ đơn thuần truyền đạt ý nghĩa ngữ pháp, mà còn phản ánh đặc điểm văn hoá, tư duy và cách thức giao tiếp của người Hàn Quốc. So với tiếng Việt, việc sử dụng câu phủ định trong tiếng Hàn chịu ảnh hưởng từ văn hoá coi trọng sự tôn trọng, lễ nghi, cách diễn đạt gián tiếp và thái độ xem trọng các mối quan hệ xã hội.

*Tiếng Hàn biểu hiện phủ định gián tiếp và mang tính lễ nghi:* Người Hàn Quốc có xu hướng tránh diễn đạt phủ định một cách trực diện nhằm không gây khó chịu hoặc phá vỡ mối quan hệ với đối phương. Do đó, người Hàn thường sử dụng các cách diễn đạt nhẹ nhàng và uyển chuyển. Ví dụ, thay vì nói trực tiếp “저는 이 음식을 안 좋아해요.” (Tôi không thích món ăn này) người Hàn sẽ nói: “저는 이 음식을 잘 안 먹어요.” (Tôi ít ăn món này) hoặc (Món này hình như không hợp khẩu vị tôi). Người Hàn thường sử dụng các cách nói như “잘 안 먹어요” hoặc “입맛에 맞지 않는 것 같아요” thay vì nói thẳng “안 좋아해요”, nhằm giữ lịch sự và tránh làm đối phương cảm thấy khó chịu - đặc biệt trong các tình huống giao tiếp xã hội.

*Biểu hiện sự phủ định đề cao sự tôn trọng và thứ bậc trong xã hội:* Văn hoá Hàn Quốc đề cao thứ bậc xã hội, điều này ảnh hưởng đến cách sử dụng câu phủ định tùy theo vai vế và mối quan hệ giữa người nói và người nghe. Ví dụ, với người bằng tuổi hoặc nhỏ hơn: “가지 마!” (Đừng đi!) - thân mật, không trang trọng. Với người lớn tuổi hoặc cấp trên: “가지 마세요.” (Xin đừng đi ạ) - trang trọng, lịch sự. Việc lựa chọn kính ngữ phù hợp khi dùng câu phủ định tiếng Hàn là điều rất quan trọng, vì cùng một nội dung nhưng cách diễn đạt khác nhau sẽ để lại ấn tượng khác nhau với người nghe.

*Ảnh hưởng của văn hoá tập thể đến việc sử dụng câu phủ định:* Văn hoá Hàn Quốc đề cao tinh thần tập thể hơn cá nhân, điều này cũng phản ánh trong cách dùng câu phủ định tránh biểu đạt quá mạnh mẽ ý kiến cá nhân, mà thiên về giữ hoà khí trong một tập thể. Ví dụ, thay vì nói “저는 이 일에 관심이 없어요.” (Tôi không có hứng thú với công việc này.), người Hàn thường sẽ nói: “이 일은 저보다 더 잘할 사람이 있을 것 같아요.” (Tôi nghĩ sẽ có người phù hợp với công việc này hơn tôi). Người Hàn thường tránh thể hiện cái tôi một cách mạnh mẽ, mà chọn cách chuyển trọng tâm câu nói sang người khác để giảm bớt cảm giác từ chối cá nhân.

*Ảnh hưởng của tư tưởng truyền thống và tôn giáo:* Trong văn hoá Hàn Quốc, một số biểu đạt phủ định chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng truyền thống và tín ngưỡng, đặc biệt là việc tránh nhắc đến bệnh tật hoặc cái chết - những điều được xem là không may mắn. Ví dụ: “저는 오래 살지 못할 것 같아.” (Tôi cảm thấy mình không sống được lâu.) - đây là biểu hiện mang điềm gở. Người Hàn thường tránh nói về các điều xui xẻo như cái chết, bệnh tật... để không rước hoạ hoặc điềm xấu, tương tự với một số điều kiêng kị trong văn hoá Việt Nam.

#### 4.2. Đặc trưng của câu phủ định trong tiếng Việt

Trong tiếng Việt, theo Diệp Quang Ban [1], câu phủ định là câu dùng những phương tiện hình thức nhất định để xác nhận sự không tồn tại của sự vật, hiện tượng hay hành động, trạng thái được nói đến trong câu, so với hiện thực hay với giả định trong tư duy. Nói cách khác, câu phủ định là loại câu thể hiện sự phủ nhận, phản bác hoặc từ chối điều gì đó, đối lập với ý nghĩa của câu khẳng định tương ứng. Cùng với quan điểm đó, Nguyễn Kim Thân [2] cho rằng: “Câu phủ định là kiểu câu dùng để phủ nhận sự tồn tại của sự vật, hiện tượng, hành động hoặc tính chất trong hiện thực hoặc trong tư duy. Câu phủ định có thể mang nhiều sắc thái và chức năng khác nhau, không chỉ dùng để nói “không”, mà còn bao gồm việc từ chối, bác bỏ, phản bác hay nghi ngờ một mệnh đề nào đó”.

Về đặc trưng của câu phủ định trong tiếng Việt, cũng giống với tiếng Hàn, nghiên cứu tập trung vào ba đặc điểm chính đó là đặc trưng về ngữ pháp, đặc trưng về thì, thể và đặc điểm sử dụng theo ngữ cảnh và văn hoá.

- Trước tiên là đặc trưng về mặt ngữ pháp: Trong khi tiếng Hàn thuộc loại ngôn ngữ chấp định thì tiếng Việt lại là ngôn ngữ đơn lập, do đó trong tiếng Việt, câu phủ định không được hình thành bằng các hình thái ngữ pháp như trong tiếng Hàn. Nói cách khác, trong tiếng Việt không có dạng phủ định kết hợp với hậu tố hoặc đuôi động từ mà chỉ sử dụng các phó từ phủ định như “không”, “chưa”, “không thể”, “đừng”, “chớ”, v.v. Theo Nguyễn Kim Thân [3], câu phủ định được chia thành hai loại chính: phủ định toàn phần và phủ định bộ phận. Phủ định toàn phần là những câu có thành phần phủ định đứng trước thành phần chính của câu hoặc trước vị ngữ (ví dụ: Tôi không biết chuyện này). Phủ định bộ phận không phủ định toàn bộ nội dung của câu mà chỉ ảnh hưởng đến một thành phần cụ thể trong câu (ví dụ: Tôi không biết nhiều về chuyện này). Có thể thấy khác với tiếng Hàn, câu phủ định tiếng Việt thường được cấu tạo bằng cách thêm các từ phủ định như “không”, “chẳng”, “chưa”, “đừng”, “chớ”,... vào trước động từ, tính từ hoặc cụm từ cần phủ định.

- Tiếp theo là đặc trưng về thì và thể: Trong tiếng Việt, câu phủ định có thể xuất hiện ở các thì quá khứ, hiện tại và tương lai, tuy nhiên nó không được thể hiện rõ bằng hình thái từ như trong tiếng Hàn mà chủ yếu dựa vào trợ từ thời gian và ngữ cảnh. Ví dụ: “Tôi qua tôi đã không đi chơi” (thì quá khứ), “Bây giờ tôi không có thời gian” (hiện tại), hay “Tôi sẽ không tham gia buổi họp ngày mai” (thì tương lai). Về mặt thể, câu phủ định tiếng Việt có thể ở dạng trần thuật, nghi vấn, mệnh lệnh hay câu khiến, với cấu trúc linh hoạt tùy theo mục đích nói. Có thể thấy thì và thể trong câu phủ định tiếng Việt không biểu hiện qua hình thái từ rõ ràng mà thường sẽ kết hợp với trợ từ để phù hợp với ngữ cảnh.

- Cuối cùng là đặc điểm sử dụng theo ngữ cảnh và văn hoá:

*Tư duy gián tiếp và giao tiếp linh hoạt:* Giống với nét văn hoá của Hàn Quốc, người Việt Nam cũng có xu hướng tránh đối đầu trực tiếp khi giao tiếp, đặc biệt trong những tình huống nhạy cảm. Do đó, câu phủ định trong tiếng Việt thường không được diễn đạt quá thẳng thắn, mà mang tính linh hoạt và uyển chuyển nhằm làm giảm mức độ phủ định. Ví dụ, thay vì nói “Tôi không đồng ý với ý kiến của bạn”, người Việt thường nói: “Ý kiến của bạn cũng hay nhưng tôi nghĩ cần phải xem xét thêm những ý kiến khác”. Cách diễn đạt này giúp giảm căng thẳng trong giao tiếp, tránh làm đối phương cảm thấy tổn thương và thể hiện sự tôn trọng đối với người nghe.

*Lịch sự và tôn trọng trong cách diễn đạt phủ định:* Trong văn hoá Việt Nam, câu phủ định không chỉ đơn giản là từ chối, mà còn phản ánh mức độ tôn trọng đối với người đối thoại. Khi cần từ chối hoặc không đồng tình, người Việt thường sử dụng cách diễn đạt nhẹ nhàng, uyển chuyển. Ví dụ, thay vì nói “Tôi không muốn đi”, họ có thể nói: “Hôm nay tôi hơi bận, hẹn dịp khác nhé”. Câu phủ định lịch sự này giúp tránh gây tổn thương cho người nghe và duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa các cá nhân.

*Sử dụng câu phủ định trong lời khuyên và cảm đoán:* Trong giao tiếp hằng ngày, người Việt sử dụng câu phủ định một cách nhẹ nhàng để đưa ra lời khuyên hoặc cảm đoán mà không gây áp lực. Đặc biệt trong mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái, thầy cô - học sinh, câu phủ định thường mang tính hướng dẫn hơn là ra lệnh. Ví dụ, thay vì nói “Đừng làm thế”, họ thường nói: “Làm như vậy sẽ không tốt đâu”. Cách nói này không chỉ mềm mỏng mà còn thể hiện sự quan tâm, hướng dẫn thay vì áp đặt.

*Thể hiện hàm ý trong câu phủ định:* Câu phủ định trong tiếng Việt không chỉ đơn thuần truyền đạt nghĩa “không”, mà còn chứa đựng nhiều hàm ý tùy theo ngữ cảnh. Ví dụ khi được hỏi: “Bạn có thích đôi giày này không?”, thay vì trả lời là không thích người Việt thường sẽ trả lời là: “Cũng được”. Cách phủ định này thể hiện đặc điểm văn hoá trong giao tiếp của người Việt: họ mong đối phương hiểu được hàm ý ẩn sau lời nói và phản ứng một cách tinh tế, phù hợp.

*Ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo và cách sử dụng câu phủ định:* Văn hoá Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng Nho giáo, đặc biệt trong giao tiếp giữa các thế hệ và giữa những người có vị trí xã hội

khác nhau. Do đó, trong những tình huống trang trọng, câu phủ định thường mang sắc thái tôn trọng và gián tiếp hơn. Ví dụ, thay vì nói “Ông sai rồi”, người Việt sẽ nói: “Cháu nghĩ chỗ này chưa đúng?”. Trong tiếng Việt, câu phủ định được sử dụng theo hướng thể hiện sự quan tâm và tôn trọng người đối thoại.

Tóm lại, câu phủ định trong tiếng Việt không chỉ đơn thuần là biểu đạt sự phủ nhận, mà còn phản ánh những đặc điểm văn hoá như: tư duy gián tiếp, cách diễn đạt linh hoạt, tinh thần cộng đồng, sự lịch sự, hàm ý ngôn ngữ và ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo.

### 4.3. Đối chiếu câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt

*Về mặt ngữ pháp:* Câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt đều được dùng để phủ nhận một hành động, trạng thái hoặc sự việc. Tuy nhiên, hai ngôn ngữ có sự khác biệt về cách thể hiện mặt hình thức và ngữ pháp. Trong câu phủ định khách quan, tiếng Hàn có hai cách biểu hiện ý phủ định. Một là sử dụng “안” ở trước động từ, tính từ hoặc sử dụng đuôi câu “-지 않다”. Trong khi đó tiếng Việt sử dụng phó từ phủ định là: “không”, “chưa” đứng trước động từ hoặc tính từ. Ngoài ra, tiếng Hàn phân biệt rõ sắc thái trang trọng giữa “안” (văn nói, thân mật) và “-지 않다” (văn viết, trang trọng), còn tiếng Việt không có sự phân biệt rõ rệt về mức độ trang trọng giữa các từ phủ định. Trong câu phủ định khả năng, tiếng Hàn có nhiều cách để biểu đạt ý không thể thực hiện hành động như sử dụng phó từ “못” trước động từ hoặc sử dụng đuôi câu “-지 못하다”, và “-(으)ㄴ 수 없다”. Trong khi đó, tiếng Việt sử dụng phó từ “không thể”, “chưa thể” hoặc “không có khả năng” đứng trước động từ. Trong câu phủ định mang nghĩa cảm đoán, cả hai ngôn ngữ đều có cách diễn đạt ý cảm không cho ai đó thực hiện hành động. Tiếng Hàn sử dụng cấu trúc “-지 말다” và có nhiều biến thể tùy theo mức độ kính ngữ như “-지 마”, “-지 마세요”, “-지 마십시오”. Tiếng Việt sử dụng “đừng”, “chớ”, “không được”, cũng với mức độ mạnh nhẹ khác nhau, nhưng không phân biệt kính ngữ phức tạp như trong tiếng Hàn. Nhìn chung, tuy đều nhằm diễn đạt ý phủ định, cấu trúc và sắc thái ngữ pháp phủ định trong tiếng Hàn phong phú và biến hoá hơn, còn tiếng Việt thiên về sự đơn giản nhưng linh hoạt trong lựa chọn từ vựng.

*Về mặt thì và thể:* Tiếng Hàn và tiếng Việt đều sử dụng thì để biểu thị thời gian xảy ra hành động, và thể để diễn tả trạng thái hoặc quá trình của hành động. Khi sử dụng câu phủ định, hai ngôn ngữ có nhiều điểm tương đồng và khác biệt trong cách biểu hiện thì và thể.

Trước tiên, so sánh biểu hiện thì trong câu phủ định tiếng Hàn và tiếng Việt. Trong thì hiện tại, tiếng Hàn dùng phó từ phủ định “안” đứng trước động/tính từ hoặc dùng cấu trúc “-지 않다” để tạo câu phủ định, còn tiếng Việt dùng “không” hoặc “chưa” đặt trước động/tính từ để phủ định. Trong thì quá khứ, tiếng Hàn chia động từ ở dạng quá khứ “-았/었다”, kết hợp với “안” hoặc “-지 않았/었다”. (Ví dụ: 하지 않았 - đã không làm). Trong khi đó tiếng Việt dùng các phó từ như “đã”, “từng” kết hợp với “không”, “chưa” (ví dụ: Tôi đã không làm). Trong thì tương lai, tiếng Hàn sử dụng “-지 않을 것이다” hoặc “안 + động từ + -겠/다” (ví dụ: 하지 않을 것이다 (sẽ không làm)), còn tiếng Việt dùng “sẽ không”, “không định”, “không có ý định” trước động từ (ví dụ: Tôi sẽ không làm / Tôi không định làm). Có thể thấy, tiếng Hàn biểu hiện thì bằng cách thay đổi hình thái của động từ, trong khi tiếng Việt sử dụng phó từ chỉ thì.

Tiếp theo, so sánh biểu hiện thể trong câu phủ định tiếng Hàn và tiếng Việt: Trong thể hoàn thành (chưa hoàn tất hành động): tiếng Hàn dùng “아직 안 했다” (thân mật) hoặc “아직 ...지 않았/었다” (trang trọng), tuy nhiên trong tiếng Việt chỉ cần dùng phó từ “chưa” trước động từ. Ví dụ:

▪ Tiếng Hàn: 저는 숙제를 아직 안 했어요

▪ Tiếng Việt: Tôi chưa làm bài tập

Thể tiếp diễn (đang trong quá trình thực hiện hành động): tiếng Hàn dùng cấu trúc “-고 있지 않다” hoặc “안 ...고 있다” trong khi đó tiếng Việt thêm cụm từ “đang không” trước động từ. Ví dụ:

▪ Tiếng Hàn: 저는 지금 영화를 보고 있지 않아요

▪ Tiếng Việt: Bây giờ tôi đang không xem phim

Trong quá trình sử dụng câu phủ định, cả tiếng Hàn và tiếng Việt đều có hệ thống biểu đạt thì và thể tương đối rõ ràng, tuy nhiên có sự khác biệt đáng kể về phương thức thể hiện. Tiếng Hàn với đặc trưng là ngôn ngữ chấp dính, sử dụng các hình thái biến đổi của động từ (chẳng hạn như “-지 않다”, “-지 않았/었다”, “-지 않을 것이다” hoặc “-고 있지 않다”) để biểu thị sự phủ định theo từng thì và thể. Ngược lại, tiếng Việt thuộc ngôn ngữ đơn lập, sử dụng phó từ phủ định như “không”, “chưa”, “sẽ không”, “đang không” kết hợp với các phó từ chỉ thời để biểu thị cùng chức năng, mà không cần thay đổi hình thái của động từ.

Điểm tương đồng giữa hai ngôn ngữ là cả hai đều có khả năng phủ định trong thì hiện tại, quá khứ, tương lai cũng như ở thể hoàn thành và thể tiếp diễn. Tuy nhiên, tiếng Hàn phân biệt rõ ràng giữa văn nói và văn viết (ví dụ “아직 안 했다” so với “아직 ...지 않았/었다”), trong khi tiếng Việt có xu

hướng sử dụng một hình thức duy nhất đó là thêm phó từ phủ định vào trước động từ/ tính từ cho cả hai ngữ cảnh. Ngoài ra, tiếng Hàn thường có cấu trúc dài hơn và biểu hiện mức độ trang trọng cao hơn khi biểu thị thì tương lai hoặc thể tiếp diễn, trong khi tiếng Việt giữ cấu trúc ngắn gọn và linh hoạt hơn. Tóm lại, mặc dù hai ngôn ngữ đều thể hiện đầy đủ các thì và thể trong câu phủ định, song sự khác biệt về mặt cấu trúc ngữ pháp và loại hình ngôn ngữ đã tạo nên sự khác biệt đáng kể trong cách thức biểu đạt.

*Sự ảnh hưởng của yếu tố văn hoá đến cách sử dụng câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt:* Câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt không chỉ là cấu trúc ngữ pháp đơn thuần mà còn phản ánh sâu sắc các yếu tố văn hoá như tư tưởng Nho giáo, cách giao tiếp, quy chuẩn xã hội và hệ thống kính ngữ. Sự khác biệt về văn hoá dẫn đến sự khác biệt rõ rệt trong việc lựa chọn và sử dụng câu phủ định trong từng ngữ cảnh.

Thứ nhất, cả Hàn Quốc và Việt Nam đều chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ tư tưởng Nho giáo, do đó đều có nét văn hoá coi trọng lễ nghĩa và kính trọng người lớn tuổi. Tuy nhiên, trong tiếng Hàn, ảnh hưởng của Nho giáo vẫn còn sâu sắc hơn nên khi sử dụng câu phủ định cũng có sự khác biệt rõ rệt. Trong tiếng Hàn, khi nói chuyện với người lớn tuổi hoặc cấp trên, việc sử dụng cách phủ định trực tiếp có thể bị coi là không đúng phép tắc, lễ nghi, do đó người Hàn thường diễn đạt ý phủ định một cách nhẹ nhàng và uyển chuyển hơn. Ví dụ, thay vì nói trực tiếp “이 일을 할 수 없습니다” (Tôi không thể làm việc này), người Hàn sẽ nói “이 일은 좀 어려울 것 같습니다” (Việc này có vẻ hơi khó với tôi) để truyền tải ý phủ định một cách mềm mại hơn. Trong khi đó, tiếng Việt tuy cũng chịu ảnh hưởng của Nho giáo, nhưng có xu hướng diễn đạt câu phủ định một cách trực tiếp hơn so với tiếng Hàn. Trong một số trường hợp, ngay cả khi sử dụng câu phủ định trực tiếp thì cũng không bị coi là bất lịch sự, ví dụ như: “Tôi không muốn làm việc này”. Tuy nhiên, trong các tình huống cần sự trang trọng, người Việt cũng sử dụng cách nói uyển chuyển để tránh làm tổn thương người nghe, chẳng hạn: “Có lẽ bây giờ tôi chưa thể giúp được”. Có thể thấy người Việt sử dụng câu phủ định trực tiếp hơn, song vẫn linh hoạt điều chỉnh cách nói trong các tình huống trang trọng.

Thứ hai, ở Hàn Quốc rất coi trọng kính ngữ, điều này thể hiện rõ qua các hình thái biến đổi trong cấu trúc câu phủ định (như “-지 않습니다”, “-지 마세요”, “-지 못하십니다”). Trong khi đó, tiếng Việt không có hình vị kính ngữ, nhưng lại sử dụng các từ như “ạ”, “xin”, “kính mong” để thể hiện sự lịch sự hoặc trang trọng khi phủ định, đặc biệt trong văn viết hoặc giao tiếp với người bề trên. Ví dụ:

- Tiếng Hàn: 가지 마세요
- Tiếng Việt: Xin đừng đi

Thứ ba, sự khác biệt trong phong cách giao tiếp giữa hai quốc gia dẫn đến cách thể hiện phủ định cũng khác nhau. Người Hàn có xu hướng sử dụng cách diễn đạt gián tiếp, giảm nhẹ hoặc chuyển hướng chủ thể khi muốn từ chối hoặc phản bác, nhằm duy trì hoà khí. Ngược lại, người Việt có thể diễn đạt phủ định một cách trực tiếp hơn, nhưng vẫn giữ được sự tôn trọng qua lựa chọn từ ngữ phù hợp. Ví dụ khi từ chối lời mời:

- Tiếng Hàn: 정말 가고 싶은데, 오늘은 약속이 있어서 좀 어려울 것 같아요. (Thật sự tôi muốn đi, nhưng hôm nay tôi có hẹn rồi, e là hơi khó.)
- Tiếng Việt: Có lẽ hôm nay tôi hơi bận, dịp khác nhé?

Ngày nay với sự thay đổi trong xã hội hiện đại cho thấy giới trẻ ở cả hai quốc gia ngày càng giao tiếp tự nhiên và trực tiếp hơn, tuy nhiên trong các tình huống trang trọng thì vẫn có sự khác biệt đáng kể. Tiếng Hàn vẫn chú trọng đến kính ngữ và sự gián tiếp, trong khi tiếng Việt thiên về sự linh hoạt và điều chỉnh ngữ khí theo tình huống.

Tóm lại, sự khác biệt trong cách sử dụng câu phủ định giữa tiếng Hàn và tiếng Việt không chỉ bắt nguồn từ cấu trúc ngữ pháp mà còn phản ánh đặc điểm văn hoá sâu sắc.

## 5. Kết quả nghiên cứu

### 5.1. Khảo sát lỗi sử dụng câu phủ định

Với mục đích điều tra lỗi phổ biến khi dùng câu phủ định của sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn từ đó đưa ra phương pháp học tập hiệu quả, nghiên cứu đã tiến hành điều tra 97 sinh viên năm nhất trường Đại học Đại Nam, khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc.

Phiếu khảo sát được chia thành 2 phần. Phần 1 bao gồm 4 câu hỏi liên quan đến những khó khăn mà sinh viên thường gặp khi sử dụng câu phủ định trong tiếng Hàn. Phần 2 gồm 13 câu hỏi được thiết kế dựa trên kiến thức cơ bản mà sinh viên đã học về câu phủ định trong tiếng Hàn. Nội dung của phần này bao gồm các điểm như: đặc điểm của từng loại câu phủ định, phân biệt ý nghĩa giữa “안” và “못” khi đi với động từ, sự kết hợp với thì, nắm bắt chính xác nghĩa của cấu trúc “-지 않다” và các phó từ phủ định đặc biệt.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên vẫn gặp khó khăn trong việc nắm bắt và sử dụng câu phủ định tiếng Hàn. Ở câu hỏi đầu tiên liên quan đến những trở ngại chung khi vận dụng loại câu này, 63,6% sinh viên cho biết họ “thỉnh thoảng” gặp khó khăn, 23,7% cho rằng “thường xuyên” gặp trở ngại, trong khi chỉ có 2,1% cho biết “hiếm khi” gặp khó khăn. Những con số này cho thấy việc sử dụng câu phủ định trong tiếng Hàn là một thách thức phổ biến đối với người học, không chỉ giới hạn ở giai đoạn sơ cấp mà còn kéo dài trong cả quá trình học nâng cao.

Xét về nội dung cụ thể, khó khăn lớn nhất nằm ở việc sử dụng cấu trúc “-지 않다” trong những ngữ cảnh đa dạng (40,2%), tiếp đến là lựa chọn hình thức phủ định phù hợp với động từ hoặc tính từ (37,1%) và phân biệt ý nghĩa của “안” và “못” (19,5%). Các số liệu này phản ánh rằng người học không chỉ gặp khó khăn trong việc phân biệt ngữ nghĩa mà còn gặp nhiều trở ngại khi áp dụng ngữ pháp trong giao tiếp.

Kết quả khảo sát cho thấy người học tiếng Hàn, đặc biệt là sinh viên năm nhất, thường mắc những lỗi sai điển hình trong việc sử dụng câu phủ định. Một số trường hợp đáng chú ý là việc dùng phó từ “못” không đúng ngữ cảnh, chẳng hạn kết hợp với động từ chỉ cảm xúc hoặc sở thích (ví dụ: *저는 매운 음식을 못 좋아해요*) hoặc với tính từ (ví dụ: *날씨가 못 추워요*). Những lỗi này phản ánh hạn chế trong việc nắm bắt phạm vi kết hợp cũng như chức năng ngữ pháp của “못”. Bên cạnh đó, cấu trúc “-지 않다” cũng gây ra nhiều nhầm lẫn: một số sinh viên chưa phân biệt rõ cách sử dụng “-지 마라” và “-지 마세요”, dẫn đến lẫn lộn giữa sắc thái mệnh lệnh và thỉnh dụ. Những kết quả trên cho thấy yếu tố ngữ dụng cùng sự đa dạng về mức độ lịch sự trong tiếng Hàn vẫn là thách thức lớn đối với người học Việt Nam, đặc biệt ở giai đoạn đầu của quá trình tiếp cận ngôn ngữ.

Ở phương diện kiến thức nền tảng, kết quả khảo sát cho thấy đa số người học có khả năng phân biệt sự khác nhau giữa “안” và “못” (70,1%) cũng như nhận diện được các lỗi sai cơ bản. Tuy nhiên, khi đặt vào ngữ cảnh thực tế, kết hợp với thì, thể và mục đích giao tiếp, tỉ lệ trả lời đúng lại giảm đáng kể. Ví dụ với các câu hỏi như sau:

Nội dung câu hỏi	Tỉ lệ trả lời đúng	Nội dung câu hỏi	Tỉ lệ trả lời đúng
A: 어제 운동했어요? B: 아니요, 배가 아파서 _____ a. 운동했지 않아요. b. 운동 안 했어요. c. 운동 못 했어요. d. 운동했지 못해요.	64,9%	A: 지난주 숙제 다 했어요? B: 아니요, 너무 어려워서 _____ a. 못 할 것 같아요. b. 하지 못했어요. c. 안 했어요. d. 하겠습니다.	54,6%

Điều này cho thấy đa phần các sinh viên tham gia khảo sát mới chỉ nắm vững kiến thức ở mặt lí thuyết, chưa vận dụng được trong tình huống giao tiếp thực tiễn.

Tóm lại, những lỗi sai khi sử dụng câu phủ định tiếng Hàn của sinh viên năm nhất Trường Đại học Đại Nam chủ yếu tập trung vào bốn phương diện: (1) nhầm lẫn về ý nghĩa và chức năng ngữ dụng giữa “안” và “못”; (2) sai sót trong phạm vi kết hợp từ vựng, điển hình là việc sử dụng “못” với động từ chỉ cảm xúc và tính từ; (3) chưa nắm vững cách vận dụng cấu trúc “-지 않다” phù hợp với từng ngữ cảnh và sắc thái lịch sự; và (4) hạn chế khi kết hợp câu phủ định với thì, thể, cũng như khó khăn trong việc áp dụng vào các tình huống giao tiếp thực tế. Những kết quả này cho thấy, để học tập và vận dụng câu phủ định tiếng Hàn một cách hiệu quả, người học không chỉ cần nắm chắc quy tắc ngữ pháp mà còn phải gắn kết với yếu tố ngữ dụng và văn hoá giao tiếp, từ đó nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác và linh hoạt hơn trong thực tiễn.

Qua kết quả khảo sát có thể thấy tất cả sinh viên tham gia đều mắc các lỗi cơ bản khi sử dụng câu phủ định. Trong đó, các lỗi phổ biến nhất bao gồm: nhầm lẫn giữa “안” và “못”, sử dụng sai cấu trúc phủ định kết hợp với thì, dùng sai câu phủ định mang tính cảm đoán trong các tình huống khác nhau và nhầm lẫn vị trí của phó từ phủ định trong cấu trúc động từ “đanh từ + 하다”.

Để khắc phục những lỗi sai này, cần áp dụng các phương pháp học tập và luyện tập cụ thể. Trong phần tiếp theo, nghiên cứu sẽ đề xuất các phương pháp học tập hiệu quả nhằm nâng cao khả năng sử dụng câu phủ định tiếng Hàn cho người học.

**5.2. Đề xuất phương pháp học tập hiệu quả**

**5.2.1. Nguyên nhân mắc lỗi sai khi sử dụng câu phủ định tiếng Hàn**

Dựa trên phân tích lỗi của người học, có thể xác định bốn nguyên nhân chính dẫn đến việc sử dụng sai câu phủ định tiếng Hàn ở người Việt như sau:

Thứ nhất, ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ. Do sự khác biệt trong cấu trúc ngữ pháp giữa tiếng Hàn (ngôn ngữ chấp dính) và tiếng Việt (ngôn ngữ đơn lập), người học thường có xu hướng áp dụng máy móc quy tắc của tiếng Việt vào tiếng Hàn. Ví dụ, trong tiếng Việt có thể nói “Tôi không biết”, nhưng nếu dịch trực tiếp sang tiếng Hàn là “나는 모르지 않아요” thì sẽ dẫn đến lỗi sai ngữ nghĩa.

Thứ hai, thiếu hiểu biết về sắc thái nghĩa của các hình thức phủ định. Nhiều người học không phân biệt rõ giữa các cấu trúc như “안” và “못”; “-지 않다” và “-지 않다”, dẫn đến việc sử dụng không phù hợp trong từng ngữ cảnh cụ thể. Ví dụ:

- 저는 운전하지 않아요 (Tôi không lái xe - phủ định chung)
- 저는 운전하지 못했어요 (Tôi không thể lái xe - phủ định khả năng)

Thứ ba, thiếu kiến thức về ngữ pháp và kính ngữ. Do hệ thống kính ngữ trong tiếng Hàn phức tạp, người học dễ mắc lỗi khi sử dụng câu phủ định trong các tình huống trang trọng. Ví dụ, thay vì nói “사장님은 출근 안 했어요” (Giám đốc không đi làm), cần sử dụng cách nói trang trọng hơn: “사장님은 출근하지 않으셨습니다”.

Thứ tư, thiếu thực hành trong môi trường thực tế. Nhiều người học chủ yếu tiếp cận câu phủ định qua sách giáo khoa, ít có cơ hội sử dụng trong giao tiếp thực tế, dẫn đến sự thiếu linh hoạt khi áp dụng vào ngữ cảnh cụ thể.

**5.2.2. Đề xuất các phương pháp học tập hiệu quả**

Sau khi tiến hành khảo sát, phân tích lỗi và nguyên nhân dẫn đến việc mắc lỗi khi sử dụng câu phủ định tiếng Hàn, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm phương pháp học tập như sau.

**a. Phương pháp so sánh - đổi chiếu**

Phương pháp này giúp người học nhận diện rõ sự tương đồng và khác biệt giữa cấu trúc phủ định của tiếng Hàn và tiếng Việt, từ đó hiểu và ghi nhớ quy tắc sử dụng một cách chính xác hơn. Ví dụ, người học có thể lập bảng đổi chiếu cấu trúc ngữ pháp “안/못/-지 않다/-지 못하다” và “không/ chưa/ không thể”, hoặc “-지 않다” với “đừng/ chớ” như dưới đây.

*Bảng đổi chiếu cấu trúc ngữ pháp câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt*

Loại câu phủ định	Tiếng Hàn	Tiếng Việt
Phủ định khách quan	안 + động từ /tính từ Động từ/ tính từ + 지 않다	Không/chưa + động từ/ tính từ
Phủ định khả năng	못 + động từ Động từ + 지 못하다	Không thể/chưa thể + động từ
Phủ định cảm đoán	Động từ + 지 않다	Đừng/chớ + động từ

**b. Học qua tình huống thực tế**

Học thông qua tình huống thực tế có nghĩa là người học không chỉ tiếp cận kiến thức phủ định một cách lí thuyết mà còn đặt mình vào các hoàn cảnh thực tế sử dụng. Khi gắn liền với các ngữ cảnh cụ thể, người học sẽ dễ ghi nhớ hơn, đồng thời cải thiện năng lực giao tiếp hiệu quả. Phương pháp này còn giúp người học phản ứng nhanh chóng trong đối thoại, đặc biệt hữu ích vì các biểu hiện phủ định trong tiếng Hàn mang nhiều sắc thái khác nhau và cần được phân biệt rõ theo từng ngữ cảnh.

Người học có thể luyện tập các cấu trúc phủ định thông qua hội thoại hàng ngày. Ví dụ, việc luyện nói theo chủ đề như từ chối lời mời, không đồng ý, diễn đạt việc không thể làm điều gì đó... Ngoài ra, xem phim hay video có phụ đề để quan sát cách người bản ngữ sử dụng câu phủ định hoặc tham gia câu lạc bộ tiếng Hàn để luyện tập trực tiếp với người bản xứ cũng là những cách học hữu ích. Người học cũng có thể luyện tập qua các tình huống mô phỏng. Giáo viên có thể tổ chức các hoạt động đóng vai trong lớp học, đặt người học vào các tình huống giao tiếp hằng ngày như mua đồ, gọi món, từ chối đề nghị, không đồng ý... Bên cạnh đó, học sinh có thể tự tạo tình huống với bạn bè để luyện tập sử dụng câu phủ định. Không những vậy, việc quan sát cách người bản xứ sử dụng ngôn ngữ cũng rất quan trọng. Người học có thể nghe radio, podcast tiếng Hàn, xem vlog, phỏng vấn, chương trình giải trí,... để làm quen với các biểu hiện phủ định trong giao tiếp thực tế. Đọc truyện tranh, tiểu thuyết, báo chí cũng giúp hiểu rõ cách dùng câu phủ định trong ngữ cảnh cụ thể.

### c. Luyện tập phân xạ ngôn ngữ và sửa lỗi sai

Việc luyện tập phân xạ nhằm hình thành thói quen sử dụng câu phủ định chính xác mà không cần dịch từng từ từ tiếng mẹ đẻ. Quá trình này bao gồm ba giai đoạn: luyện phân xạ qua thực hành đa dạng tình huống, nghe - lặp lại và ghi âm so sánh với bản ngữ, thực hành giao tiếp với người bản xứ hoặc đồng học. Bên cạnh đó, việc ghi nhớ và sửa lỗi thường gặp (như nhầm “안” và “못”, sai vị trí phó từ phủ định, hoặc sai kính ngữ) giúp người học hiểu rõ hơn và tránh lặp lại lỗi sai nhiều lần.

### d. Ứng dụng công nghệ trong học tập

Trong thời đại công nghệ phát triển nhanh chóng việc cũng trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn nhờ vào sự hỗ trợ của nhiều công cụ kỹ thuật số. Người học có thể sử dụng đa dạng tài liệu như video, bài giảng trực tuyến, podcast, ứng dụng học ngôn ngữ,... để nâng cao kỹ năng nghe và nói. Một số ứng dụng còn tích hợp chức năng nhận diện giọng nói, giúp người học phát hiện và sửa lỗi phát âm hoặc ngữ pháp. Ngoài ra, phần lớn các ứng dụng học tập đều có các chức năng như theo dõi tiến độ học tập, hệ thống phân thưởng, thử thách hằng ngày,... nhằm duy trì động lực học tập cho người dùng. Người học có thể luyện tập một cách linh hoạt mọi lúc, mọi nơi bằng điện thoại thông minh hoặc máy tính. Một số ứng dụng phổ biến giúp luyện tập câu phủ định tiếng Hàn hiệu quả gồm có: Duolingo, Talk To Me In Korean, từ điển Naver,... cung cấp những ví dụ thực tế về câu phủ định cũng như cách sử dụng trong nhiều ngữ cảnh khác nhau, giúp người học áp dụng vào giao tiếp thực tiễn.

Đề cải thiện thành tích học tập cũng như sử dụng tiếng Hàn một cách tự nhiên người học cần kết hợp linh hoạt nhiều phương pháp phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ và văn hoá của quốc gia đó. Từ việc nhận diện sự khác biệt ngôn ngữ đến luyện tập phân xạ, sử dụng công nghệ và mô phỏng tình huống thực tế - tất cả đều nhằm mục tiêu giúp người học sử dụng câu phủ định một cách chính xác và đạt hiệu quả trong giao tiếp thực tế.

## 6. Kết luận

Qua quá trình đối chiếu, so sánh có thể thấy rằng câu phủ định trong tiếng Hàn và tiếng Việt tuy có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng tồn tại không ít sự khác biệt cả về mặt ngữ pháp lẫn đặc trưng sử dụng theo ngữ cảnh, văn hoá. Về mặt ngữ pháp, cả hai ngôn ngữ đều sử dụng các từ phủ định đi kèm động từ hoặc tính từ để thể hiện sự phủ định về hành động, trạng thái, khả năng, ý chí hoặc cảm đoán. Tuy nhiên, trong khi tiếng Hàn sử dụng linh hoạt hai dạng phủ định ngắn như “안”, “못” và phủ định dài như “-지 않다”, “-지 못하다”, “-지 말다” để biểu thị sắc thái ý nghĩa khác nhau thì tiếng Việt lại thường sử dụng các từ “không”, “chưa”, “chẳng”, “đừng”, “chớ” với vị trí thay đổi linh hoạt, đôi khi làm thay đổi cả sắc thái biểu cảm của câu. Ngoài ra trong tiếng Hàn các cấu trúc phủ định có thể kết hợp tự nhiên với các đuôi câu để thể hiện thì quá khứ, hiện tại, tương lai cũng như các thể câu khiến, nghi vấn, mệnh lệnh. Trong khi đó, tiếng Việt thể hiện thì và thể thông qua ngữ cảnh hoặc kết hợp với từ chỉ thời gian chứ không gắn trực tiếp vào động từ như tiếng Hàn. Thêm vào đó, yếu tố văn hoá cũng ảnh hưởng sâu sắc đến cách sử dụng câu phủ định. Người Hàn Quốc có xu hướng sử dụng phủ định một cách gián tiếp, lịch sự và phù hợp với quan hệ xã hội nhằm tránh gây mất lòng người nghe. Ngược lại, tiếng Việt cho phép phủ định trực tiếp hơn, nhưng trong nhiều trường hợp trang trọng cũng cần sự uyên chuyên, tế nhị.

Từ những điểm tương đồng và khác biệt trên, có thể thấy rằng việc nắm vững đặc điểm phủ định của cả hai ngôn ngữ không chỉ giúp người học sử dụng chính xác mặt ngữ pháp mà còn giúp giao tiếp hiệu quả và phù hợp với văn hoá giao tiếp của mỗi quốc gia.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban. *Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông tập 2*. NXB Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, tr. 262. 1989.
2. Nguyễn Kim Thân. *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Giáo dục. 1997.
3. Nguyễn Kim Thân. *Vài nhận xét về cách bày tỏ ý phủ định trong tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ. Số 2. 1972.

### Tiếng Hàn

4. 김인숙. 한국어 부정의 제약에 관한 연구. 연세대학교 교육대학원 석사학위논문. 1985.
5. 박정규. 현대국어의 부정문연구- 의미해석을 중심으로. 서강대학교 대학원 석사학위논문. 1989.
6. 박지훈. 한국어와 베트남어의 부정 표현 비교 연구. 언어학연구. 2010.
7. 박형우. 부정문의 유형 분류, 청람어문교육 26, 청람어문교육학회. 2003.
8. 임홍빈. 문법 연구와 자료-부정법. 이의섭 선생 회갑 기념 논총. 1998.
9. Nguyễn Thúy Hằng. 한국어와 베트남어의 부정표현 비교 연구 (부정의문문을 중심으로). 석사학위논문. 하노이국립대학교. 2021.
10. Lê Anh Thơ. 한·베 이중부정문 양상의 대조 연구. 석사학위논문. 하노이국립대학교. 2024